jiǎng jīn

奖金

Noun · premium

Example Sentences

wǒ ná dào le jiǎng jīn
我拿到了奖金。

I received a bonus.

tā gōng zuò hěn nǔ lì suǒ yǐ ná dào le hěn duō jiǎng jīn
他工作很努力，所以拿到了很多奖金。

He works very hard, so he received a lot of bonus.

tā dǎ suàn yòng zhè bǐ jiǎng jīn dài jiā rén qù guó wài lǚ xíng
他打算用这笔奖金带家人去国外旅行。

He plans to use this bonus to take his family on a trip abroad.

Trace each character, then write the word on your own.

奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖

奖

金 金 金 金 金 金 金 金 金 金 金